

Số: 801/TTr-UBND

Quới Điền, ngày 26 tháng 3 năm 2026

### TỜ TRÌNH

**Về việc xin thông qua dự thảo Nghị quyết phê chuẩn quyết toán  
thu ngân sách nhà nước trên địa bàn và quyết toán thu, chi  
ngân sách xã Quới Điền năm 2025**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân xã Quới Điền.

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025.

Ủy ban nhân dân xã kính trình Hội đồng nhân dân xã Quới Điền xin thông qua dự thảo Nghị quyết phê chuẩn quyết toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn và quyết toán thu, chi ngân sách xã Quới Điền năm 2025, nội dung cụ thể như sau:

#### **I. CƠ SỞ PHÁP LÝ BAN HÀNH VĂN BẢN**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23 tháng 3 năm 2017 của Chính phủ ban hành quy chế lập, thẩm tra, quyết định kế hoạch tài chính 05 năm địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm địa phương, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm địa phương, dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương hằng năm;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 230/NQ-HĐND ngày 30 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long về điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 của tỉnh Vĩnh Long (hợp nhất) sau khi thực hiện sắp xếp, tổ chức bộ máy đơn vị hành chính theo chính quyền địa phương 02 cấp;

Căn cứ Quyết định số 723/QĐ-UBND ngày 01 tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long về việc giao điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 của tỉnh Vĩnh Long (hợp nhất) sau khi thực hiện sắp xếp, tổ chức bộ máy đơn vị hành chính theo chính quyền địa phương 02 cấp;

Căn cứ Quyết định số 96/QĐ-STC ngày 08 tháng 8 năm 2025 của Sở Tài chính tỉnh Vĩnh Long về việc giao chi tiết số điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 của tỉnh Vĩnh Long (hợp nhất) sau khi thực hiện sắp xếp, tổ chức bộ máy đơn vị hành chính theo chính quyền địa phương 02 cấp;

Căn cứ Công văn số 1077/STC-QLNS ngày 04 tháng 02 năm 2026 của Sở Tài chính tỉnh Vĩnh Long về việc hướng dẫn công tác kế toán và quyết toán năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 14 tháng 8 năm 2025 của Hội đồng nhân dân xã Quới Điền về điều chỉnh dự toán thu, chi ngân sách xã Quới Điền năm 2025 (hợp nhất) sau khi thực hiện sắp xếp, tổ chức bộ máy đơn vị hành chính theo chính quyền địa phương 02 cấp.

## **II. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN**

### **1. Bố cục:**

Bố cục nghị quyết gồm 02 điều, cụ thể như sau:

- Điều 1. Phê chuẩn quyết toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn và quyết toán thu, chi ngân sách xã Quới Điền năm 2025.
- Điều 2. Điều khoản thi hành.

### **2. Nội dung cơ bản:**

“Phê chuẩn quyết toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn và quyết toán thu, chi ngân sách xã Quới Điền năm 2025, cụ thể như sau:

#### **I. VỀ THU NGÂN SÁCH**

**1. Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn xã Quới Điền năm 2025:** 167.941.028.682 đồng, trong đó:

1.1. Thu cân đối ngân sách nhà nước trên địa bàn: 57.673.116.283 đồng, gồm có:

- |                                            |                      |
|--------------------------------------------|----------------------|
| - Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước:    | 5.810.000 đồng.      |
| - Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh: | 51.525.394.557 đồng. |
| - Thu thuế thu nhập cá nhân:               | 1.059.244.526 đồng.  |
| - Thu lệ phí trước bạ:                     | 1.808.692.698 đồng.  |
| - Thu các loại phí, lệ phí:                | 336.237.250 đồng.    |
| - Thu thuế sử dụng đất phi nông nghiệp:    | 203.735 đồng.        |
| - Thu tiền sử dụng đất:                    | 2.358.060.789 đồng.  |
| - Thu khác ngân sách:                      | 579.472.728 đồng.    |

1.2. Thu từ nguồn ngân sách cấp trên bổ sung: 107.116.171.876 đồng, gồm có:

- |                                  |                      |
|----------------------------------|----------------------|
| - Thu bổ sung cân đối ngân sách: | 79.370.526.557 đồng. |
| - Thu bổ sung có mục tiêu:       | 27.745.645.319 đồng. |

1.3. Thu từ các khoản hoàn trả giữa các cấp ngân sách: 333.735.835 đồng.

1.4. Thu các khoản đóng góp tự nguyện: 115.230.000 đồng.

1.5. Thu chuyển nguồn năm trước chuyển sang: 2.597.811.854 đồng.

1.6. Thu kết dư ngân sách năm trước: 104.962.834 đồng.

**2. Tổng thu ngân sách xã Quới Điền năm 2025:** 163.013.996.995 đồng, trong đó:

2.1. Thu cân đối ngân sách xã hưởng theo phân cấp: 53.079.820.431 đồng, gồm có:

- Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh: 51.525.394.557 đồng.
- Thu thuế thu nhập cá nhân: 618.887.745 đồng.
- Thu lệ phí trước bạ: 304.816.349 đồng.
- Thu các loại phí, lệ phí: 260.693.250 đồng.
- Thu thuế sử dụng đất phi nông nghiệp: 203.735 đồng.
- Thu khác ngân sách: 369.824.795 đồng.

2.2. Thu từ nguồn ngân sách cấp trên bổ sung: 107.116.171.876 đồng, gồm có:

- Thu bổ sung cân đối ngân sách: 79.370.526.557 đồng.
- Thu bổ sung có mục tiêu: 27.745.645.319 đồng.

2.3. Thu các khoản đóng góp tự nguyện: 115.230.000 đồng.

2.4. Thu chuyển nguồn năm trước chuyển sang: 2.597.811.854 đồng.

2.5. Thu kết dư ngân sách năm trước: 104.962.834 đồng.

## II. VỀ CHI NGÂN SÁCH

**Tổng chi ngân sách xã Quới Điền năm 2025:** 158.013.996.995 đồng, trong đó:

**1. Chi từ nguồn cân đối ngân sách địa phương:** 102.821.464.681 đồng, gồm có:

- 1.1. Chi đầu tư phát triển: 356.064.232 đồng.
- 1.2. Chi thường xuyên: 102.465.400.449 đồng.

**2. Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia (CTMTQG):** 143.094.640 đồng, gồm có:

- 2.1. Chi thực hiện CTMTQG xây dựng nông thôn mới: 102.620.000 đồng.
- 2.2. Chi thực hiện CTMTQG giảm nghèo bền vững: 40.474.640 đồng.

**3. Chi chuyển nguồn ngân sách sang năm sau:** 54.715.701.839 đồng, gồm có:

3.1. Chi chuyển nguồn kinh phí đầu tư phát triển thực hiện chuyển nguồn sang năm sau đối với kế hoạch vốn đầu tư công được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân theo quy định của Luật Đầu tư công: 100.000.000 đồng.

3.2. Chi chuyển nguồn kinh phí mua sắm hàng hóa, dịch vụ, sửa chữa, cải

tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng, đặt hàng, giao nhiệm vụ đã đầy đủ hồ sơ, đã ký hợp đồng hoặc đã hoàn thành đấu thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu trước ngày 31 tháng 12 năm thực hiện dự toán: 116.000.000 đồng.

3.3. Chi chuyển nguồn kinh phí thực hiện chính sách tiền lương, phụ cấp, trợ cấp và các khoản tính theo tiền lương: 35.082.139.049 đồng.

3.4. Chi chuyển nguồn kinh phí được giao tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập và các cơ quan nhà nước: 3.124.663.785 đồng.

3.5. Chi chuyển nguồn kinh phí các khoản dự toán được Ủy ban nhân dân cấp bổ sung sau ngày 30 tháng 9 năm thực hiện dự toán: 4.037.030.400 đồng.

3.6. Chi chuyển nguồn kinh phí các khoản tăng thu so với dự toán, dự toán chi còn lại của cấp ngân sách đã được cấp có thẩm quyền quyết định phê duyệt phương án sử dụng vào năm sau: 11.458.446.760 đồng.

3.7. Chi chuyển nguồn kinh phí các khoản chuyển nguồn khác theo quy định của pháp luật: 797.421.845 đồng.

**4. Chi nộp trả ngân sách cấp trên: 333.735.835 đồng, gồm có:**

4.1. Chi nộp trả kinh phí tiết kiệm 10% chi thường xuyên dự toán năm 2025, thực hiện theo Nghị quyết số 173/NQ-CP ngày 13/6/2025 của Chính phủ: 318.793.835 đồng.

4.2. Chi nộp trả kinh phí thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững (vốn sự nghiệp): 14.942.000 đồng.

### III. KẾT DƯ NGÂN SÁCH

Kết dư ngân sách xã năm 2025 chuyển vào thu ngân sách xã Quới Điền năm 2026: 5.000.000.000 đồng.

*(Số liệu chi tiết tại biểu mẫu số 48, 49, 50, 51, 52, 53, 54, 55, 56, 57, 58, 59, 60, 61, 62 đính kèm)*

*(Đính kèm dự thảo Nghị quyết)*

Trên đây là nội dung Tờ trình về việc xin thông qua dự thảo Nghị quyết phê chuẩn quyết toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn và quyết toán thu, chi ngân sách xã Quới Điền năm 2025. Ủy ban nhân dân xã kính trình Hội đồng nhân dân xã Quới Điền xem xét, phê chuẩn. /.

#### Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực Đảng ủy xã;
- Chủ tịch, các PCT UBND xã;
- BTT UBMTTQVN xã;
- Các Ban của Hội đồng nhân dân xã;
- Đại biểu Hội đồng nhân dân xã;
- Văn phòng: Đảng ủy xã; HĐND và UBND xã;
- Các Phòng, Ban, Trung tâm thuộc UBND xã;
- Lưu: VT, P.KT, Phong.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH



Mai Hoàng Nhựt

Số: /NQ-HĐND

Quới Điền, ngày tháng năm 2026

**DỰ THẢO**

**NGHỊ QUYẾT**

**Phê chuẩn quyết toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn  
và quyết toán thu, chi ngân sách xã Quới Điền năm 2025**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ QUỚI ĐIỀN  
KHÓA XIII, KỲ HỌP THỨ NHẤT**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025;*

*Căn cứ Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23 tháng 3 năm 2017 của Chính phủ ban hành quy chế lập, thẩm tra, quyết định kế hoạch tài chính 05 năm địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm địa phương, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm địa phương, dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương hàng năm;*

*Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Nghị quyết số 230/NQ-HĐND ngày 30 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long về điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 của tỉnh Vĩnh Long (hợp nhất) sau khi thực hiện sắp xếp, tổ chức bộ máy đơn vị hành chính theo chính quyền địa phương 02 cấp;*

*Căn cứ Quyết định số 723/QĐ-UBND ngày 01 tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long về việc giao điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 của tỉnh Vĩnh Long (hợp nhất) sau khi thực hiện sắp xếp, tổ chức bộ máy đơn vị hành chính theo chính quyền địa phương 02 cấp;*

*Căn cứ Quyết định số 96/QĐ-STC ngày 08 tháng 8 năm 2025 của Sở Tài chính tỉnh Vĩnh Long về việc giao chi tiết số điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 của tỉnh Vĩnh Long (hợp nhất) sau khi thực hiện sắp xếp, tổ chức bộ máy đơn vị hành chính theo chính quyền địa phương 02 cấp;*

*Xét Tờ trình số 801/TTr-UBND ngày 26 tháng 3 năm 2026 của Ủy ban nhân dân xã Quới Điền về việc xin thông qua dự thảo Nghị quyết phê chuẩn quyết toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn và quyết toán thu, chi ngân sách xã Quới Điền năm 2025;*

*Sau khi nghe Ủy ban nhân dân xã báo cáo về việc thuyết minh quyết toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn và quyết toán thu, chi ngân sách xã Quới Điền năm 2025; báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân xã và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân xã tại kỳ họp.*

## QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1.** Phê chuẩn quyết toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn và quyết toán thu, chi ngân sách xã Quới Điền năm 2025, cụ thể như sau:

### I. VỀ THU NGÂN SÁCH

**1. Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn xã Quới Điền năm 2025:** 167.941.028.682 đồng, trong đó:

1.1. Thu cân đối ngân sách nhà nước trên địa bàn: 57.673.116.283 đồng, gồm có:

- Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước:	5.810.000 đồng.
- Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh:	51.525.394.557 đồng.
- Thu thuế thu nhập cá nhân:	1.059.244.526 đồng.
- Thu lệ phí trước bạ:	1.808.692.698 đồng.
- Thu các loại phí, lệ phí:	336.237.250 đồng.
- Thu thuế sử dụng đất phi nông nghiệp:	203.735 đồng.
- Thu tiền sử dụng đất:	2.358.060.789 đồng.
- Thu khác ngân sách:	579.472.728 đồng.

1.2. Thu từ nguồn ngân sách cấp trên bổ sung: 107.116.171.876 đồng, gồm có:

- Thu bổ sung cân đối ngân sách:	79.370.526.557 đồng.
- Thu bổ sung có mục tiêu:	27.745.645.319 đồng.

1.3. Thu từ các khoản hoàn trả giữa các cấp ngân sách: 333.735.835 đồng.

1.4. Thu các khoản đóng góp tự nguyện: 115.230.000 đồng.

1.5. Thu chuyển nguồn năm trước chuyển sang: 2.597.811.854 đồng.

1.6. Thu kết dư ngân sách năm trước: 104.962.834 đồng.

**2. Tổng thu ngân sách xã Quới Điền năm 2025:** 163.013.996.995 đồng, trong đó:

2.1. Thu cân đối ngân sách xã hưởng theo phân cấp: 53.079.820.431 đồng, gồm có:

- Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh:	51.525.394.557 đồng.
- Thu thuế thu nhập cá nhân:	618.887.745 đồng.
- Thu lệ phí trước bạ:	304.816.349 đồng.
- Thu các loại phí, lệ phí:	260.693.250 đồng.
- Thu thuế sử dụng đất phi nông nghiệp:	203.735 đồng.
- Thu khác ngân sách:	369.824.795 đồng.

2.2. Thu từ nguồn ngân sách cấp trên bổ sung: 107.116.171.876 đồng, gồm có:

- Thu bổ sung cân đối ngân sách:	79.370.526.557 đồng.
----------------------------------	----------------------

- Thu bổ sung có mục tiêu:	27.745.645.319 đồng.
2.3. Thu các khoản đóng góp tự nguyện:	115.230.000 đồng.
2.4. Thu chuyển nguồn năm trước chuyển sang:	2.597.811.854 đồng.
2.5. Thu kết dư ngân sách năm trước:	104.962.834 đồng.

## II. VỀ CHI NGÂN SÁCH

**Tổng chi ngân sách xã Quới Điền năm 2025:** 158.013.996.995 đồng, trong đó:

**1. Chi từ nguồn cân đối ngân sách địa phương:** 102.821.464.681 đồng, gồm có:

1.1. Chi đầu tư phát triển:	356.064.232 đồng.
1.2. Chi thường xuyên:	102.465.400.449 đồng.

**2. Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia (CTMTQG):** 143.094.640 đồng, gồm có:

2.1. Chi thực hiện CTMTQG xây dựng nông thôn mới:	102.620.000 đồng.
2.2. Chi thực hiện CTMTQG giảm nghèo bền vững:	40.474.640 đồng.

**3. Chi chuyển nguồn ngân sách sang năm sau:** 54.715.701.839 đồng, gồm có:

3.1. Chi chuyển nguồn kinh phí đầu tư phát triển thực hiện chuyển nguồn sang năm sau đối với kế hoạch vốn đầu tư công được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân theo quy định của Luật Đầu tư công: 100.000.000 đồng.

3.2. Chi chuyển nguồn kinh phí mua sắm hàng hóa, dịch vụ, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng, đặt hàng, giao nhiệm vụ đã đầy đủ hồ sơ, đã ký hợp đồng hoặc đã hoàn thành đấu thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu trước ngày 31 tháng 12 năm thực hiện dự toán: 116.000.000 đồng.

3.3. Chi chuyển nguồn kinh phí thực hiện chính sách tiền lương, phụ cấp, trợ cấp và các khoản tính theo tiền lương: 35.082.139.049 đồng.

3.4. Chi chuyển nguồn kinh phí được giao tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập và các cơ quan nhà nước: 3.124.663.785 đồng.

3.5. Chi chuyển nguồn kinh phí các khoản dự toán được Ủy ban nhân dân cấp bổ sung sau ngày 30 tháng 9 năm thực hiện dự toán: 4.037.030.400 đồng.

3.6. Chi chuyển nguồn kinh phí các khoản tăng thu so với dự toán, dự toán chi còn lại của cấp ngân sách đã được cấp có thẩm quyền quyết định phê duyệt phương án sử dụng vào năm sau: 11.458.446.760 đồng.

3.7. Chi chuyển nguồn kinh phí các khoản chuyển nguồn khác theo quy định của pháp luật: 797.421.845 đồng.

**4. Chi nộp trả ngân sách cấp trên:** 333.735.835 đồng, gồm có:

4.1. Chi nộp trả kinh phí tiết kiệm 10% chi thường xuyên dự toán năm 2025, thực hiện theo Nghị quyết số 173/NQ-CP ngày 13/6/2025 của Chính phủ: 318.793.835 đồng.

4.2. Chi nộp trả kinh phí thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững (vốn sự nghiệp): 14.942.000 đồng.

### **III. KẾT DƯ NGÂN SÁCH**

Kết dư ngân sách xã năm 2025 chuyển vào thu ngân sách xã Quới Điền năm 2026: 5.000.000.000 đồng.

*(Số liệu chi tiết tại biểu mẫu số 48, 49, 50, 51, 52, 53, 54, 55, 56, 57, 58, 59, 60, 61, 62 đính kèm)*

#### **Điều 2. Điều khoản thi hành**

1. Giao Ủy ban nhân dân xã thực hiện đầy đủ các thủ tục về quyết toán, công khai quyết toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn và thu, chi ngân sách xã Quới Điền năm 2025 theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân xã giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân xã Quới Điền khóa XIII, kỳ họp thứ nhất thông qua ngày ... tháng ... năm 2026 và có hiệu lực kể từ ngày được Hội đồng nhân dân xã thông qua./.

#### **Nơi nhận:**

- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Phòng Giao dịch số 26 - KBNN khu vực XIX;
- Thường trực Đảng ủy xã;
- Thường trực Hội đồng nhân dân xã;
- Ủy ban nhân dân xã;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã;
- Đại biểu Hội đồng nhân dân xã;
- Văn phòng: Đảng ủy xã, HĐND và UBND xã;
- Các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc UBND xã;
- Trang Thông tin điện tử xã;
- Lưu: VT, PKT.

**CHỦ TỊCH**

**Huỳnh Thị Cẩm**

**QUYẾT TOÁN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG XÃ QUỚI ĐIỀN NĂM 2025**

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: /NQ-HĐND ngày tháng năm 2026 của Hội đồng nhân dân xã Quới Điền)

Đơn vị: Đồng.

STT	Nội dung	Dự toán	Quyết toán	So sánh	
				Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	I	2	3=2-1	4=2/1
<b>A</b>	<b>TỔNG NGUỒN THU NSDP (NGÂN SÁCH XÃ)</b>	<b>78.977.000.000</b>	<b>163.013.996.995</b>	<b>84.036.996.995</b>	<b>206%</b>
<b>I</b>	<b>Thu NSDP được hưởng theo phân cấp</b>	<b>3.046.000.000</b>	<b>53.079.820.431</b>	<b>50.033.820.431</b>	<b>1743%</b>
1	Thu NSDP hưởng 100%	1.376.000.000	935.538.129	-440.461.871	68%
2	Thu NSDP hưởng từ các khoản thu phân chia	1.670.000.000	52.144.282.302	50.474.282.302	3122%
<b>II</b>	<b>Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên</b>	<b>75.931.000.000</b>	<b>107.116.171.876</b>	<b>31.185.171.876</b>	<b>141%</b>
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	75.825.000.000	79.370.526.557	3.545.526.557	105%
2	Thu bổ sung có mục tiêu	106.000.000	27.745.645.319	27.639.645.319	26175%
<b>III</b>	<b>Thu từ các khoản đóng góp tự nguyện để lại quản lý qua NSNN</b>		<b>115.230.000</b>	<b>115.230.000</b>	
<b>IV</b>	<b>Thu chuyển nguồn ngân sách năm trước chuyển sang</b>		<b>2.597.811.854</b>	<b>2.597.811.854</b>	
<b>V</b>	<b>Thu kết dư ngân sách năm trước</b>		<b>104.962.834</b>	<b>104.962.834</b>	
<b>VI</b>	<b>Thu hồi các khoản chi ngân sách năm trước</b>				
<b>B</b>	<b>TỔNG CHI NSDP (NGÂN SÁCH XÃ)</b>	<b>78.977.000.000</b>	<b>158.013.996.995</b>	<b>79.036.996.995</b>	<b>200%</b>
<b>I</b>	<b>Tổng chi cân đối NSDP</b>	<b>78.871.000.000</b>	<b>102.821.464.681</b>	<b>23.950.464.681</b>	<b>130%</b>
1	Chi đầu tư phát triển		356.064.232	356.064.232	
2	Chi thường xuyên	78.456.000.000	102.465.400.449	24.009.400.449	131%
3	Dự phòng ngân sách	415.000.000		-415.000.000	
4	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương				
<b>II</b>	<b>Chi từ nguồn NSTW bổ sung có mục tiêu (vốn sự nghiệp)</b>	<b>106.000.000</b>	<b>143.094.640</b>	<b>37.094.640</b>	<b>135%</b>
1	Chi thực hiện CTMTQG xây dựng nông thôn mới	106.000.000	102.620.000	-3.380.000	97%
2	Chi thực hiện CTMTQG giảm nghèo bền vững		40.474.640	40.474.640	
<b>III</b>	<b>Chi chuyển nguồn ngân sách sang năm sau</b>		<b>54.715.701.839</b>	<b>54.715.701.839</b>	
<b>IV</b>	<b>Chi nộp trả ngân sách cấp trên</b>		<b>333.735.835</b>	<b>333.735.835</b>	
<b>C</b>	<b>KẾT DƯ NSDP (NGÂN SÁCH XÃ)</b>		<b>5.000.000.000</b>	<b>5.000.000.000</b>	

**QUYẾT TOÁN CÂN ĐỐI NGUỒN THU, CHI NGÂN SÁCH XÃ QUỚI ĐIỀN NĂM 2025**

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: /NQ-HĐND ngày tháng năm 2026 của Hội đồng nhân dân xã Quới Điền)

Đơn vị: Đồng.

STT	Nội dung	Dự toán	Quyết toán	So sánh	
				Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	I	2	3=2-I	4=2/I
<b><u>NGÂN SÁCH XÃ</u></b>					
<b>I</b>	<b><u>NGUỒN THU NGÂN SÁCH</u></b>	<b><u>78.977.000.000</u></b>	<b><u>163.013.996.995</u></b>	<b><u>84.036.996.995</u></b>	<b><u>206%</u></b>
1	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	3.046.000.000	53.079.820.431	50.033.820.431	1743%
-	Thu NSDP hưởng 100%	1.376.000.000	935.538.129	-440.461.871	68%
-	Thu NSDP hưởng từ các khoản thu phân chia	1.670.000.000	52.144.282.302	50.474.282.302	3122%
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	75.931.000.000	107.116.171.876	31.185.171.876	141%
-	Thu bổ sung cân đối ngân sách	75.825.000.000	79.370.526.557	3.545.526.557	105%
-	Thu bổ sung có mục tiêu	106.000.000	27.745.645.319	27.639.645.319	26175%
3	Thu từ các khoản đóng góp tự nguyện để lại quản lý qua NSNN		115.230.000	115.230.000	
4	Thu chuyển nguồn ngân sách năm trước chuyển sang		2.597.811.854	2.597.811.854	
5	Thu kết dư ngân sách năm trước		104.962.834	104.962.834	
6	Thu hồi các khoản chi ngân sách năm trước				
<b>II</b>	<b><u>CHI NGÂN SÁCH</u></b>	<b><u>78.977.000.000</u></b>	<b><u>158.013.996.995</u></b>	<b><u>79.036.996.995</u></b>	<b><u>200%</u></b>
1	Chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách cấp xã	78.871.000.000	102.821.464.681	23.950.464.681	130%
-	Chi đầu tư phát triển		356.064.232	356.064.232	
-	Chi thường xuyên	78.456.000.000	102.465.400.449	24.009.400.449	131%
-	Dự phòng ngân sách	415.000.000		-415.000.000	
-	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương				
2	Chi từ nguồn NSTW bổ sung có mục tiêu (vốn sự nghiệp)	106.000.000	143.094.640	37.094.640	135%
-	Chi thực hiện CTMTQG xây dựng nông thôn mới	106.000.000	102.620.000	-3.380.000	97%
-	Chi thực hiện CTMTQG giảm nghèo bền vững		40.474.640	40.474.640	
3	Chi chuyển nguồn ngân sách sang năm sau		54.715.701.839	54.715.701.839	
4	Chi nộp trả ngân sách cấp trên		333.735.835	333.735.835	
<b>III</b>	<b><u>KẾT DƯ NGÂN SÁCH</u></b>		<b><u>5.000.000.000</u></b>	<b><u>5.000.000.000</u></b>	

**QUYẾT TOÁN NGUỒN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN THEO LĨNH VỰC XÃ QUỚI ĐIỀN NĂM 2025**  
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: /NQ-HĐND ngày tháng năm 2026 của Hội đồng nhân dân xã Quới Điền)

Đơn vị: Đồng.

STT	Nội dung	Dự toán		Quyết toán					So sánh (%)	
		Tổng thu NSNN	Thu NSDP (ngân sách xã)	Tổng thu NSNN	Thu NSTW	Thu NSDP	Trong đó		Tổng thu NSNN	Thu ngân sách cấp xã
							Thu ngân sách cấp tỉnh	Thu ngân sách cấp xã		
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8=3/1	9=7/2
	<b>TỔNG NGUỒN THU NSNN</b>	<b>78.977.000.000</b>	<b>78.977.000.000</b>	<b>167.941.028.682</b>	<b>260.893.936</b>	<b>167.680.134.746</b>	<b>4.666.137.751</b>	<b>163.013.996.995</b>	<b>213%</b>	<b>206%</b>
A	<b>TỔNG THU CĂN ĐỐI NSNN</b>	<b>3.046.000.000</b>	<b>3.046.000.000</b>	<b>57.673.116.283</b>	<b>260.893.936</b>	<b>57.412.222.347</b>	<b>4.332.401.916</b>	<b>53.079.820.431</b>	<b>1893%</b>	<b>1743%</b>
I	<b>Thu nội địa</b>	<b>3.046.000.000</b>	<b>3.046.000.000</b>	<b>57.673.116.283</b>	<b>260.893.936</b>	<b>57.412.222.347</b>	<b>4.332.401.916</b>	<b>53.079.820.431</b>	<b>1893%</b>	<b>1743%</b>
1	Thu từ khu vực DNNN do trung ương quản lý									
2	Thu từ khu vực DNNN do địa phương quản lý			5.810.000		5.810.000	5.810.000			
	- Thuế giá trị gia tăng			2.625.000		2.625.000	2.625.000			
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp			3.185.000		3.185.000	3.185.000			
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài									
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	540.000.000	540.000.000	51.525.394.557		51.525.394.557		51.525.394.557	9542%	9542%
	- Thuế giá trị gia tăng	540.000.000	540.000.000	51.516.855.593		51.516.855.593		51.516.855.593	9540%	9540%
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp			8.538.964		8.538.964		8.538.964		
5	Thuế thu nhập cá nhân	1.130.000.000	1.130.000.000	1.059.244.526		1.059.244.526	440.356.781	618.887.745	94%	55%
6	Phí bảo vệ môi trường			6.500.000		6.500.000		6.500.000		
	- Phí BVMT thu từ hàng hóa sản xuất, kinh doanh trong nước			6.500.000		6.500.000		6.500.000		
	- Phí BVMT thu từ hàng hóa nhập khẩu									
7	Lệ phí trước bạ	250.000.000	250.000.000	1.808.692.698		1.808.692.698	1.503.876.349	304.816.349	723%	122%
8	Thu các loại phí, lệ phí	235.000.000	235.000.000	329.737.250	62.544.000	267.193.250	13.000.000	254.193.250	140%	108%
	- Phí và lệ phí trung ương			62.544.000	62.544.000					
	- Phí và lệ phí tỉnh									
	- Phí và lệ phí huyện			68.950.000		68.950.000	9.000.000	59.950.000		
	- Phí và lệ phí xã	235.000.000	235.000.000	198.243.250		198.243.250	4.000.000	194.243.250	84%	83%
9	Thuế sử dụng đất nông nghiệp									
10	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	1.000.000	1.000.000	203.735		203.735		203.735	20%	20%
11	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước									
12	Thu tiền sử dụng đất			2.358.060.789		2.358.060.789	2.358.060.789			
13	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước									
14	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết									
15	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản									
16	Thu khác ngân sách	890.000.000	890.000.000	579.472.728	198.349.936	381.122.792	11.297.997	369.824.795	65%	42%
17	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác									
18	Thu hồi vốn, thu cổ tức									
19	Lợi nhuận được chia của Nhà nước và lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước									
20	Chênh lệch thu chi Ngân hàng Nhà nước									
II	Thu từ đầu thô									
III	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu									
1	Thuế xuất khẩu									
2	Thuế nhập khẩu									
3	Thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hóa nhập khẩu									
4	Thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hóa nhập khẩu									
5	Thuế giá trị gia tăng thu từ hàng hóa nhập khẩu									
6	Thu khác									
IV	Thu viện trợ									
B	THU TỬ NGUỒN NGÂN SÁCH CẤP TRÊN BỔ SUNG	75.931.000.000	75.931.000.000	107.116.171.876		107.116.171.876		107.116.171.876	141%	141%
C	THU TỬ CÁC KHOẢN HOÀN TRẢ GIỮA CÁC CẤP NGÂN SÁCH			333.735.835		333.735.835	333.735.835			
D	THU TỬ CÁC KHOẢN ĐÓNG CÓP TỰ NGUYỄN ĐỀ LẠI QUẢN LÝ QUA NSNN			115.230.000		115.230.000		115.230.000		
E	THU KẾT DƯ NĂM TRƯỚC			104.962.834		104.962.834		104.962.834		
G	THU CHUYỂN NGUỒN TỬ NĂM TRƯỚC CHUYỂN SANG			2.597.811.854		2.597.811.854		2.597.811.854		

**QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THEO LĨNH VỰC XÃ QUỚI ĐIỀN NĂM 2025**

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: /NQ-HĐND ngày tháng năm 2026 của Hội đồng nhân dân xã Quới Điền)

Đơn vị: Đồng.

STT	Nội dung	Dự toán	Quyết toán	So sánh (%)
A	B	I	2	3=2/I
	<b>TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG (NGÂN SÁCH XÃ)</b>	<b>78.977.000.000</b>	<b>158.013.996.995</b>	<b>200%</b>
A	<b>CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG (NGÂN SÁCH XÃ)</b>	<b>78.977.000.000</b>	<b>102.964.559.321</b>	<b>130%</b>
I	<b>Chi đầu tư phát triển</b>		<b>356.064.232</b>	
1	<i>Chi văn hóa - thông tin</i>		<b>40.400</b>	
2	<i>Chi các hoạt động kinh tế</i>		<b>356.023.832</b>	
II	<b>Chi thường xuyên</b>	<b>78.456.000.000</b>	<b>102.465.400.449</b>	<b>131%</b>
	<i>Trong đó:</i>			
1	<i>Chi sự nghiệp giáo dục</i>	<b>56.772.000.000</b>	<b>55.382.995.588</b>	<b>98%</b>
2	<i>Chi sự nghiệp đào tạo</i>	<b>56.000.000</b>	<b>35.512.200</b>	<b>63%</b>
3	<i>Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ</i>		<b>513.967.000</b>	
4	<i>Chi sự nghiệp y tế</i>			
5	<i>Chi sự nghiệp văn hóa - thông tin</i>	<b>95.000.000</b>	<b>28.224.372</b>	<b>30%</b>
6	<i>Chi sự nghiệp phát thanh</i>	<b>23.000.000</b>	<b>31.566.000</b>	<b>137%</b>
7	<i>Chi sự nghiệp thể dục - thể thao</i>	<b>23.000.000</b>	<b>17.666.872</b>	<b>77%</b>
8	<i>Chi sự nghiệp môi trường</i>	<b>139.000.000</b>	<b>93.557.800</b>	<b>67%</b>
9	<i>Chi sự nghiệp kinh tế</i>	<b>263.000.000</b>	<b>680.181.256</b>	<b>259%</b>
10	<i>Chi sự nghiệp xã hội</i>	<b>210.000.000</b>	<b>9.950.644.636</b>	<b>4738%</b>
11	<i>Chi quản lý hành chính</i>	<b>17.783.000.000</b>	<b>33.516.654.175</b>	<b>188%</b>
-	Khối Nhà nước	<b>11.565.000.000</b>	<b>24.611.439.910</b>	<b>213%</b>
-	Khối Đảng	<b>1.881.000.000</b>	<b>4.305.027.275</b>	<b>229%</b>
-	Khối Đoàn thể	<b>4.337.000.000</b>	<b>4.600.186.990</b>	<b>106%</b>
12	<i>Chi quốc phòng, an ninh</i>	<b>2.861.000.000</b>	<b>2.214.430.550</b>	<b>77%</b>
-	Quốc phòng	<b>1.529.000.000</b>	<b>1.338.357.641</b>	<b>88%</b>
-	An ninh và trật tự an toàn xã hội	<b>1.332.000.000</b>	<b>876.072.909</b>	<b>66%</b>
13	<i>Chi khác</i>	<b>231.000.000</b>		
III	<b>Dự phòng ngân sách</b>	<b>415.000.000</b>		
IV	<b>Chi tạo nguồn CCTL</b>			
V	<b>Chi từ nguồn NSTW bổ sung có mục tiêu (vốn sự nghiệp)</b>	<b>106.000.000</b>	<b>143.094.640</b>	<b>135%</b>
1	<i>Chi thực hiện CTMTQG xây dựng nông thôn mới</i>	<b>106.000.000</b>	<b>102.620.000</b>	<b>97%</b>
2	<i>Chi thực hiện CTMTQG giảm nghèo bền vững</i>		<b>40.474.640</b>	
B	<b>CHI CHUYỂN NGUỒN NGÂN SÁCH SANG NĂM SAU</b>		<b>54.715.701.839</b>	
C	<b>CHI NỘP TRẢ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN</b>		<b>333.735.835</b>	

\* Ghi chú: Dự toán của từng cơ quan, đơn vị sau khi được điều chỉnh (bổ sung) từ dự phòng ngân sách và chi khác ngân sách, những nội dung chi tương ứng đã được tổng hợp vào kinh phí của từng cơ quan, đơn vị cụ thể (số liệu quyết toán qua Kho bạc Nhà nước).

**QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP XÃ THEO LĨNH VỰC XÃ QUỚI ĐIỀN NĂM 2025**  
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: /NQ-HĐND ngày tháng năm 2026 của Hội đồng nhân dân xã Quới Điền)

Đơn vị: Đồng.

STT	Nội dung	Dự toán	Quyết toán	So sánh	
				Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	I	2	3=2-1	4=2/1
	<b>TỔNG CHI NSDP</b>	<b>78.977.000.000</b>	<b>158.013.996.995</b>	<b>79.036.996.995</b>	<b>200%</b>
A	<b>CHI NGÂN SÁCH CẤP XÃ THEO LĨNH VỰC</b>	78.977.000.000	102.964.559.321	23.987.559.321	130%
I	<b>Chi đầu tư phát triển</b>		356.064.232	356.064.232	
1	Chi văn hóa - thông tin		40.400	40.400	
2	Chi các hoạt động kinh tế		356.023.832	356.023.832	
II	<b>Chi thường xuyên</b>	78.456.000.000	102.465.400.449	24.009.400.449	131%
	<i>Trong đó:</i>				
1	Chi sự nghiệp giáo dục	56.772.000.000	55.382.995.588	-1.389.004.412	98%
2	Chi sự nghiệp đào tạo	56.000.000	35.512.200	-20.487.800	63%
3	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ		513.967.000	513.967.000	
4	Chi sự nghiệp y tế				
5	Chi sự nghiệp văn hóa - thông tin	95.000.000	28.224.372	-66.775.628	30%
6	Chi sự nghiệp phát thanh	23.000.000	31.566.000	8.566.000	137%
7	Chi sự nghiệp thể dục - thể thao	23.000.000	17.666.872	-5.333.128	77%
8	Chi sự nghiệp môi trường	139.000.000	93.557.800	-45.442.200	67%
9	Chi sự nghiệp kinh tế	263.000.000	680.181.256	417.181.256	259%
10	Chi sự nghiệp xã hội	210.000.000	9.950.644.636	9.740.644.636	4738%
11	Chi quản lý hành chính	17.783.000.000	33.516.654.175	15.733.654.175	188%
-	Khối Nhà nước	11.565.000.000	24.611.439.910	13.046.439.910	213%
-	Khối Đảng	1.881.000.000	4.305.027.275	2.424.027.275	229%
-	Khối Đoàn thể	4.337.000.000	4.600.186.990	263.186.990	106%
12	Chi quốc phòng, an ninh	2.861.000.000	2.214.430.550	-646.569.450	77%
-	Quốc phòng	1.529.000.000	1.338.357.641	-190.642.359	88%
-	An ninh và trật tự an toàn xã hội	1.332.000.000	876.072.909	-455.927.091	66%
13	Chi khác	231.000.000		-231.000.000	
III	<b>Dự phòng ngân sách</b>	415.000.000		-415.000.000	
IV	<b>Chi tạo nguồn CCTL</b>				
V	<b>Chi từ nguồn NSTW bổ sung có mục tiêu (vốn sự nghiệp)</b>	106.000.000	143.094.640	37.094.640	135%
1	Chi thực hiện CTMTQG xây dựng nông thôn mới	106.000.000	102.620.000	-3.380.000	97%
2	Chi thực hiện CTMTQG giảm nghèo bền vững		40.474.640	40.474.640	
B	<b>CHI CHUYỂN NGUỒN NGÂN SÁCH SANG NĂM SAU</b>		54.715.701.839	54.715.701.839	
C	<b>CHI NỢP TRẢ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN</b>		333.735.835	333.735.835	

\* Ghi chú: Dự toán của từng cơ quan, đơn vị sau khi được điều chỉnh (bổ sung) từ dự phòng ngân sách và chi khác ngân sách, những nội dung chi tương ứng đã được tổng hợp vào kinh phí của từng cơ quan, đơn vị cụ thể (số liệu quyết toán qua Kho bạc Nhà nước).

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG, CHI NGÂN SÁCH XÃ THEO CƠ CẤU CHI XÃ QUỚI ĐIỀN NĂM 2025

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: /NQ-HĐND ngày tháng năm 2026 của Hội đồng nhân dân xã Quới Điền)

Đơn vị: Đồng.

STT	Nội dung	Dự toán	Bao gồm		Quyết toán	Bao gồm		So sánh (%)		
			Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp xã		Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp xã	Ngân sách địa phương	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp xã
A	B	I=2+3	2	3	4=5+6	5	6	7=4/1	8=5/2	9=6/3
	<b>TỔNG CHI NSDP</b>	<b>78.977.000.000</b>		<b>78.977.000.000</b>	<b>158.013.996.995</b>		<b>158.013.996.995</b>	<b>200%</b>		<b>200%</b>
A	<b>CHI CÂN ĐỐI NSDP</b>	<b>78.977.000.000</b>		<b>78.977.000.000</b>	<b>102.964.559.321</b>		<b>102.964.559.321</b>	<b>130%</b>		<b>130%</b>
I	<b>Chi đầu tư phát triển</b>				<b>356.064.232</b>		<b>356.064.232</b>			
1	<i>Chi văn hóa - thông tin</i>				<b>40.400</b>		<b>40.400</b>			
2	<i>Chi các hoạt động kinh tế</i>				<b>356.023.832</b>		<b>356.023.832</b>			
II	<b>Chi thường xuyên</b>	<b>78.456.000.000</b>		<b>78.456.000.000</b>	<b>102.465.400.449</b>		<b>102.465.400.449</b>	<b>131%</b>		<b>131%</b>
	<i>Trong đó:</i>									
1	<i>Chi sự nghiệp giáo dục</i>	<b>56.772.000.000</b>		<b>56.772.000.000</b>	<b>55.382.995.588</b>		<b>55.382.995.588</b>	<b>98%</b>		<b>98%</b>
2	<i>Chi sự nghiệp đào tạo</i>	<b>56.000.000</b>		<b>56.000.000</b>	<b>35.512.200</b>		<b>35.512.200</b>	<b>63%</b>		<b>63%</b>
3	<i>Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ</i>				<b>513.967.000</b>		<b>513.967.000</b>			
4	<i>Chi sự nghiệp y tế</i>									
5	<i>Chi sự nghiệp văn hóa - thông tin</i>	<b>95.000.000</b>		<b>95.000.000</b>	<b>28.224.372</b>		<b>28.224.372</b>	<b>30%</b>		<b>30%</b>
6	<i>Chi sự nghiệp phát thanh</i>	<b>23.000.000</b>		<b>23.000.000</b>	<b>31.566.000</b>		<b>31.566.000</b>	<b>137%</b>		<b>137%</b>
7	<i>Chi sự nghiệp thể dục - thể thao</i>	<b>23.000.000</b>		<b>23.000.000</b>	<b>17.666.872</b>		<b>17.666.872</b>	<b>77%</b>		<b>77%</b>
8	<i>Chi sự nghiệp môi trường</i>	<b>139.000.000</b>		<b>139.000.000</b>	<b>93.557.800</b>		<b>93.557.800</b>	<b>67%</b>		<b>67%</b>
9	<i>Chi sự nghiệp kinh tế</i>	<b>263.000.000</b>		<b>263.000.000</b>	<b>680.181.256</b>		<b>680.181.256</b>	<b>259%</b>		<b>259%</b>
10	<i>Chi sự nghiệp xã hội</i>	<b>210.000.000</b>		<b>210.000.000</b>	<b>9.950.644.636</b>		<b>9.950.644.636</b>	<b>4738%</b>		<b>4738%</b>
11	<i>Chi quản lý hành chính</i>	<b>17.783.000.000</b>	-	<b>17.783.000.000</b>	<b>33.516.654.175</b>	-	<b>33.516.654.175</b>	<b>188%</b>		<b>188%</b>
-	Khối Nhà nước	<b>11.565.000.000</b>		<b>11.565.000.000</b>	<b>24.611.439.910</b>		<b>24.611.439.910</b>	<b>213%</b>		<b>213%</b>
-	Khối Đảng	<b>1.881.000.000</b>		<b>1.881.000.000</b>	<b>4.305.027.275</b>		<b>4.305.027.275</b>	<b>229%</b>		<b>229%</b>
-	Khối Đoàn thể	<b>4.337.000.000</b>		<b>4.337.000.000</b>	<b>4.600.186.990</b>		<b>4.600.186.990</b>	<b>106%</b>		<b>106%</b>
12	<i>Chi quốc phòng, an ninh</i>	<b>2.861.000.000</b>	-	<b>2.861.000.000</b>	<b>2.214.430.550</b>	-	<b>2.214.430.550</b>	<b>77%</b>		<b>77%</b>
-	Quốc phòng	<b>1.529.000.000</b>		<b>1.529.000.000</b>	<b>1.338.357.641</b>		<b>1.338.357.641</b>	<b>88%</b>		<b>88%</b>
-	An ninh và trật tự an toàn xã hội	<b>1.332.000.000</b>		<b>1.332.000.000</b>	<b>876.072.909</b>		<b>876.072.909</b>	<b>66%</b>		<b>66%</b>
13	<i>Chi khác</i>	<b>231.000.000</b>		<b>231.000.000</b>						
III	<b>Dự phòng ngân sách</b>	<b>415.000.000</b>		<b>415.000.000</b>						
IV	<b>Chi tạo nguồn CCTL</b>									
V	<b>Chi từ nguồn NSTW bổ sung có mục tiêu (vốn sự nghiệp)</b>	<b>106.000.000</b>		<b>106.000.000</b>	<b>143.094.640</b>		<b>143.094.640</b>	<b>135%</b>		<b>135%</b>
1	<i>Chi thực hiện CTMTQG xây dựng nông thôn mới</i>	<b>106.000.000</b>		<b>106.000.000</b>	<b>102.620.000</b>		<b>102.620.000</b>	<b>97%</b>		<b>97%</b>
2	<i>Chi thực hiện CTMTQG giảm nghèo bền vững</i>				<b>40.474.640</b>		<b>40.474.640</b>			
B	<b>CHI CHUYỂN NGUỒN NGÂN SÁCH SANG NĂM SAU</b>				<b>54.715.701.839</b>		<b>54.715.701.839</b>			
C	<b>CHI NỢP TRẢ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN</b>				<b>333.735.835</b>		<b>333.735.835</b>			

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP XÃ CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC XÃ QUỚI ĐIỀN NĂM 2025  
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: /NQ-HĐND ngày tháng năm 2026 của Hội đồng nhân dân xã Quới Điền)

Đơn vị: Đồng

STT	Tên đơn vị	Dự toán									Quyết toán									So sánh (%)					
		Tổng số	Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi dự phòng ngân sách	Chi chương trình MTQG			Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau	Chi nộp trả ngân sách cấp trên	Tổng số	Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi dự phòng ngân sách	Chi chương trình MTQG			Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau	Chi nộp trả ngân sách cấp trên						
						Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên							Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên								
A	B	C	D	E	F	G	H	I	J	K	L	M	N	O	P	Q	R	S	T	U	V	W	X	Y	Z
	TỔNG SỐ	78.977.000.000	-	78.456.000.000	415.000.000	106.000.000	-	106.000.000	-	-	158.013.996.995	356.064.232	102.465.400.449	-	-	143.094.640	-	143.094.640	54.715.701.839	333.735.835	200%	131%	135%	135%	
I	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	-	-	-	-	-	-	-	-	-	356.064.232	356.064.232	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1	UBND xã Quới Điền (bổ tiêu chuyển đổi từ các xã cũ chi đầu tư các công trình xây dựng)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	356.064.232	356.064.232	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
II	CHI THƯỜNG XUYÊN	78.562.000.000	-	78.456.000.000	-	106.000.000	-	106.000.000	-	-	102.608.495.069	-	102.465.400.449	-	-	143.094.640	-	143.094.640	-	-	131%	131%	135%	135%	
1	UBND xã Quới Điền (bổ tiêu chuyển đổi từ các xã cũ chi xã nhà tạm, nhà dột nát)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	840.000.000	-	840.000.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2	Văn phòng Đảng ủy xã Quới Điền	1.881.000.000	-	1.881.000.000	-	-	-	-	-	-	3.281.891.985	-	3.281.891.985	-	-	-	-	-	-	-	174%	174%	-	-	-
3	Văn phòng HĐND và UBND xã Quới Điền	15.572.000.000	-	15.466.000.000	-	106.000.000	-	106.000.000	-	-	40.746.777.703	-	40.603.683.063	-	-	143.094.640	-	143.094.640	-	-	262%	263%	135%	135%	
4	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã Quới Điền	4.337.000.000	-	4.337.000.000	-	-	-	-	-	-	2.356.829.813	-	2.356.829.813	-	-	-	-	-	-	-	54%	54%	-	-	-
5	Trường Mầm non Quới Điền	4.825.000.000	-	4.625.000.000	-	-	-	-	-	-	4.282.644.535	-	4.282.644.535	-	-	-	-	-	-	-	93%	93%	-	-	-
6	Trường Mẫu giáo Hòa Lợi	2.287.000.000	-	2.287.000.000	-	-	-	-	-	-	2.271.109.779	-	2.271.109.779	-	-	-	-	-	-	-	99%	99%	-	-	-
7	Trường Mầm non Mỹ Hưng	3.308.000.000	-	3.308.000.000	-	-	-	-	-	-	3.343.894.326	-	3.343.894.326	-	-	-	-	-	-	-	101%	101%	-	-	-
8	Trường Tiểu học Quới Điền	9.188.000.000	-	9.188.000.000	-	-	-	-	-	-	8.568.043.212	-	8.568.043.212	-	-	-	-	-	-	-	93%	93%	-	-	-
9	Trường Tiểu học Hòa Lợi	10.295.000.000	-	10.295.000.000	-	-	-	-	-	-	9.407.996.081	-	9.407.996.081	-	-	-	-	-	-	-	91%	91%	-	-	-
10	Trường Tiểu học Mỹ Hưng	7.469.000.000	-	7.469.000.000	-	-	-	-	-	-	7.520.920.479	-	7.520.920.479	-	-	-	-	-	-	-	101%	101%	-	-	-
11	Trường Trung học cơ sở Quới Điền	6.853.000.000	-	6.853.000.000	-	-	-	-	-	-	6.995.831.783	-	6.995.831.783	-	-	-	-	-	-	-	102%	102%	-	-	-
12	Trường Trung học cơ sở Hòa Lợi	6.698.000.000	-	6.698.000.000	-	-	-	-	-	-	6.592.535.850	-	6.592.535.850	-	-	-	-	-	-	-	98%	98%	-	-	-
13	Trường Trung học cơ sở Mỹ Hưng	6.049.000.000	-	6.049.000.000	-	-	-	-	-	-	6.400.019.543	-	6.400.019.543	-	-	-	-	-	-	-	106%	106%	-	-	-
III	CHI DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH	415.000.000	-	-	415.000.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
IV	CHI TẠO NGUỒN, ĐIỀU CHỈNH TIỀN LƯƠNG	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
V	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NGÂN SÁCH NĂM SAU	-	-	-	-	-	-	-	-	-	54.715.701.839	-	-	-	-	-	-	54.715.701.839	-	-	-	-	-	-	-
VI	CHI NỢP NGÂN SÁCH CẤP TRÊN	-	-	-	-	-	-	-	-	-	333.735.835	-	-	-	-	-	-	-	-	333.735.835	-	-	-	-	-

QUYẾT TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CỦA NGÂN SÁCH CẤP XÃ CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC XÃ QUỚI ĐIỀN NĂM 2025

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: /NQ-HĐND ngày tháng năm 2026 của Hội đồng nhân dân xã Quới Điền)

Đơn vị: Đồng.

STT	Tên đơn vị	Dự toán	Quyết toán	Chi giáo dục	Chi đào tạo	Chi khoa học và công nghệ	Chi y tế	Chi văn hóa - thông tin	Chi phát thanh	Chi thể dục - thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Chi bảo đảm xã hội	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	Chi quốc phòng	Chi an ninh và trật tự ATXH	Chi đầu tư khác	So sánh (%)
A	B	I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
	<b>TỔNG SỐ</b>	-	356.064.232	-	-	-	-	40.400	-	-	-	356.023.832	-	-	-	-	-	
I	<i>UBND xã Quới Điền (số liệu được chuyển đổi từ các xã cũ chi đối ứng các công trình xây dựng)</i>	-	356.064.232	-	-	-	-	40.400	-	-	-	356.023.832	-	-	-	-	-	
	<i>Trong đó:</i>																	
1	Công trình: Sửa chữa Nhà văn hóa ấp Qui Thuận B, xã Hòa Lợi		40.400					40.400										
2	Công trình: Đường DA.05, xã Hòa Lợi, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre		180.000.000									180.000.000						
3	Công trình: Đường DA.03 (Đường Đầu Giồng), ấp Thạnh Khương B - Giai đoạn 2, xã Mỹ Hưng, huyện Thạnh Phú		176.023.832									176.023.832						



TỔNG HỢP QUYẾT TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN NGÂN SÁCH CẤP XÃ CỦA TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO NGUỒN VỐN XÃ QUỚI ĐIỀN NĂM 2025

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: /NQ-HĐND ngày tháng năm 2026 của Hội đồng nhân dân xã Quới Điền)

Đơn vị: Đồng.

STT	Tên đơn vị	Dự toán được phân bổ qua KBNN	Bao gồm			Kinh phí thực hiện trong năm	Dự toán còn lại	Trong đó	
			Dự toán đầu năm (sau sắp xếp ĐVHC)	Dự toán năm trước chuyển sang	Điều chỉnh trong năm (bổ sung, giảm trừ)			Chuyển nguồn sang năm sau	Hủy bỏ
A	B	I=2+3+4	2	3	4	5	6=I-5	7	8
	<b>TỔNG SỐ</b>	109.873.701.402	70.032.144.502	970.838.882	38.870.718.018	101.768.495.089	8.105.206.313	7.277.694.185	827.512.128
1	Văn phòng Đảng ủy xã Quới Điền	3.329.559.799	2.215.259.725		1.114.300.074	3.281.891.985	47.667.814		47.667.814
2	Văn phòng HĐND và UBND xã Quới Điền	45.673.872.500	10.258.808.394		35.415.064.106	40.746.777.703	4.927.094.797	4.366.990.400	560.104.397
3	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã Quới Điền	2.361.029.640	1.089.983.967		1.271.045.673	2.356.829.813	4.199.827		4.199.827
4	Trường Mầm non Quới Điền	4.911.164.812	4.625.394.200	207.872.937	77.897.675	4.282.644.535	628.520.277	624.319.823	4.200.454
5	Trường Mẫu giáo Hòa Lợi	2.457.531.428	2.275.694.950	123.796.478	58.040.000	2.271.109.779	186.421.649	170.099.165	16.322.484
6	Trường Mầm non Mỹ Hưng	3.385.686.283	3.308.408.000		77.278.283	3.343.894.326	41.791.957	27.903.000	13.888.957
7	Trường Tiểu học Quới Điền	9.284.271.774	9.188.235.000	118.001.516	-21.964.742	8.568.043.212	716.228.562	716.228.552	10
8	Trường Tiểu học Hòa Lợi	10.315.964.851	10.255.142.666	39.757.334	21.064.851	9.407.996.081	907.968.770	884.666.073	23.302.697
9	Trường Tiểu học Mỹ Hưng	7.658.509.783	7.469.284.000		189.225.783	7.520.920.479	137.589.304	137.567.892	21.412
10	Trường Trung học cơ sở Quới Điền	6.996.477.925	6.852.652.800		143.825.125	6.995.831.783	646.142		646.142
11	Trường Trung học cơ sở Hòa Lợi	6.856.979.175	6.698.389.800		158.589.375	6.592.535.850	264.443.325	116.000.000	148.443.325
12	Trường Trung học cơ sở Mỹ Hưng	6.642.653.432	5.794.891.000	481.410.617	366.351.815	6.400.019.543	242.633.889	233.919.280	8.714.609